

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy.
2. Bà Trần Thị Bích Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H:* Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (Địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2023/QĐST-DS, ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 12/01 đường P, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 4/6/15 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/02/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Kiên A - Luật sư của Công ty Luật TNHH Đ; địa chỉ liên hệ: Số 07 đường C, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

2. *Bị đơn:*

+ Ông Hoàng Trọng H, sinh năm 1959; địa chỉ: 568A Đường B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Trọng H: Ông Trần Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 115 đường P., phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Theo giấy ủy quyền ngày 13/8/2019), vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Yên H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 02 đường T, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Yên H: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 86 đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Theo giấy ủy quyền ngày 29/8/2019), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2019 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị B, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Theo hợp đồng vay tiền đề ngày 02/12/2017 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên H bà Hồ Thị B cho ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vay số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất cho vay: Do hai bên tự thỏa thuận, phương thức giao, nhận tiền vay: Bằng tiền mặt; thời hạn vay: 10 ngày kể từ ngày 02/12/2017 đến ngày 11/12/2017; thời điểm giao nhận tiền vay: Việc giao nhận số tiền vay nêu trên do hai bên tự thực hiện một đợt vào ngày 02/12/2017 và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi vay tiền ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vẫn trả lãi cho bà B theo như hai bên đã thỏa thuận cho đến ngày 25/01/2018 thì ông Hưng, bà Hà không tiếp tục trả lãi cho bà B theo như thỏa thuận. Đến ngày 20/11/2018 ông Hoàng Trọng H, bà Trần Thị Yên H với bà Hồ Thị B lập giấy thỏa thuận có nội dung: Vợ chồng ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H thỏa thuận trả lãi cho bà Hồ Thị B trên số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng, tiền lãi được tính từ ngày 25/01/2018 đến ngày 25/11/2018 là (10 tháng): $10 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày} = 300 \text{ ngày} \times 1.300.000 \text{ đồng/ngày} = 390.000.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm chín mươi triệu đồng). Số tiền trên ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H sẽ trả đủ sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất, từ đất Nông nghiệp sang đất ở lâu dài tại thửa đất địa chỉ số 568A đường Đường B, phường P, thành phố H. Ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H sẽ trả số tiền này cho bà B sau khi vay tiền tại Ngân hàng N - Chi nhánh P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên H. Ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H cam kết nếu trong vòng 04 tháng không vay được tiền để trả nợ cho bà B 1.300.000.000 đồng, thì ông H, bà H sẽ cắt từ thửa đất 568A đường Đường B, phường P, thành phố H cho bà B một thửa có chiều ngang 10m x chiều dài 20m = 200m^2 để trừ vào khoản nợ 1.300.000.000 đồng (Trong thời gian vợ chồng ông H, bà H chưa trả được nợ thì ông H, bà H vẫn trả lãi cho bà B kể từ ngày 26/11/2018). Nhưng cho đến nay ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho bà Hồ Thị B.

Đến ngày 21/11/2018 ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H có mượn thêm của bà Hồ Thị B số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày sẽ hoàn trả cho bà B, không thỏa thuận lãi suất, khi mượn ông H, bà H có gửi cho bà B một

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 06/9 kiệt 1 đường Đ, phường L, thành phố H để làm tin, khi nào trả đủ số tiền trên, thì bà B trả lại cho vợ chồng ông H, bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến ngày 11/01/2019 bà Trần Thị Yên H yêu cầu bà Hồ Thị B cho bà H nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đường Đ để làm giấy tờ, thủ tục sang tên và gửi lại cho bà Hồ Thị B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị Thanh T hẹn trong vòng 05 ngày đến ngày 16/01/2019 thì bà H sẽ trả cho bà B số tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận là 120.000.000 đồng, bà H sẽ nhận lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của bà Trương Thị Thanh T. Nhưng từ khi vay tiền của bà Hồ Thị B cho đến nay ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Thị B.

Nay bà Hồ Thị B khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền nợ gốc 1.410.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười triệu đồng) và số tiền lãi cụ thể như sau:

- Số tiền lãi trên số nợ gốc 1.300.000.000 đồng:

+ Tiền lãi trên số nợ gốc 1.300.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 20/11/2018 tính từ ngày 25/01/2018 đến 25/11/2018 là: 1.300.000.000 đồng x 20%/năm : 365 ngày x 304 ngày = 216.547.945 đồng.

+ Tiền lãi trên số nợ gốc 1.300.000.000 đồng tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 1.300.000.000 đồng x 10%/năm : 365 ngày x 1670 ngày = 594.794.520 đồng.

- Số tiền lãi trên số nợ gốc 110.000.000 đồng

- Số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng tính từ ngày 08/12/2018 (Ngày hết hạn trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 110.000.000 đồng x 10%/năm : 365 ngày x 1658 ngày = 49.967.123 đồng.

Tổng số tiền lãi: 216.547.945 đồng + 594.794.520 đồng + 49.967.000 đồng = 861.309.588 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.410.000.000 đồng + 861.309.588 đồng = 2.271.309.588 đồng, làm tròn số 2.271.309.000 đồng.

Tổng cộng bà Hồ Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 2.271.309.000 đồng (Trong đó nợ gốc 1.410.000.000 đồng, nợ lãi là 861.309.000 đồng).

Đối với hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo thỏa thuận với mức lãi suất vượt quá 20%/năm và hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn không thỏa thuận về lãi suất với mức lãi suất vượt quá 10%/năm, bà Hồ Thị B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Kiến A thống nhất như phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2020 ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Trọng H trình bày: Ông Hoàng Trọng H và vợ là bà

Trần Thị Yên H có ký hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn bà Hồ Thị B tại Hợp đồng công chứng có ghi “Việc giao nhận tiền hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm” có nghĩa là hợp đồng vay tiền giữa hai bên ký kết tại công chứng chỉ có hiệu lực là hai bên đã thực hiện xong việc cho vay, nhận vay khi nguyên đơn xuất trình được giấy nhận tiền do bị đơn viết. Vì vậy, không đồng ý xác nhận là hợp đồng vay tiền ngày 02/12/2017 đã có hiệu lực đã phát sinh nghĩa vụ trả tiền của ông H. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 05/11/2021 ông Trần Văn T thừa nhận: Căn cứ theo các chứng cứ của nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ ràng buộc bị đơn hoàn trả nợ gốc và lãi thì ông hoàn toàn đồng ý trả gốc và lãi là: 1.410.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của 02 khoản vay là 800.910.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi của hai khoản vay là 2.210.910.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2020 bà Phạm Thị X là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Yên H trình bày: Bà Trần Thị Yên H và chồng là ông Hoàng Trọng H có ký hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn bà Hồ Thị B tại Hợp đồng công chứng có ghi “Việc giao nhận tiền hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm” có nghĩa là hợp đồng vay tiền giữa hai bên ký kết tại công chứng chỉ có hiệu lực là hai bên đã thực hiện xong việc cho vay, nhận vay khi nguyên đơn xuất trình được giấy nhận tiền do bị đơn viết. Vì vậy, không đồng ý xác nhận là hợp đồng vay tiền ngày 02/12/2017 đã có hiệu lực đã phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà H.

1. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án

Qua quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau: đây là tranh chấp về dân sự, Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; việc tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; việc tiến hành hòa giải tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và trình tự tiến hành các thủ tục tố tụng khác đảm bảo theo quy định pháp luật.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn đã được lập theo đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Tại phiên tòa ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Trọng H, bà Phạm Thị X là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Yên H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn

*** Về quan điểm giải quyết vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 275, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để giải quyết theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị B buộc bị đơn ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải trả cho bà Hồ Thị B số nợ gốc và nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 2.271.309.000 đồng (Trong đó nợ gốc 1.410.000.000 đồng, nợ lãi là 861.309.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo thỏa thuận với mức lãi suất vượt quá 20%/năm và hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn không thỏa thuận về lãi suất với mức lãi suất vượt quá 10%/năm, bà Hồ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Hồ Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Bà Phạm Thị X là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Yên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Bà Phạm Thị X.

- Ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do: Ông đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2023/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố H, Giấy triệu tập có nội dung: Thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 23/6/2023. Nay ông có đơn trình bày ý kiến như sau: Do phiên tòa diễn ra cùng giờ với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên H (Đính kèm thông báo), nên ông đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoãn phiên xét xử ngày hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thông báo số: 2312/TB-TA ngày 07/6/2023 về việc bổ sung người kế thừa quyền và nghĩa vụ của đương sự tham gia tố tụng trong vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên H có nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án xác định bị đơn là ông Trương Hữu K đã qua đời vào ngày 05/4/2023. Xét thấy, cần thiết phải đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Hữu K vào tham gia cụ thể là: Bà Dương Thị Minh T, bà Trương Thị Như Y, ông Trương Hữu Quốc H, bà Trương Thị Phương K. Đồng thời, chấm dứt tư cách người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Hữu K đối với ông Trần Văn T. Mặt khác, tại Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 2357/TB-TA ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên H không thông báo cho ông Trần Văn T tham gia phiên họp phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 23/6/2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên H. Vì vậy, việc ông Trần Văn T có đơn xin hoãn phiên tòa là không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Trọng H là ông Trần Văn T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B thấy rằng:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị B chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo thỏa thuận với mức lãi suất là 20%/năm và hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn không thỏa thuận về lãi suất với mức lãi suất là 10%/năm. Còn đối với hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo thỏa thuận với mức lãi suất vượt quá 20%/năm và hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn không thỏa thuận về lãi suất với

mức lãi suất vượt quá 10%/năm, bà Hồ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Căn cứ hợp đồng vay tiền được lập tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên H ngày 02/12/2017, bà Hồ Thị B cho ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vay số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất: Do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay: 10 ngày kể từ ngày 02/12/2017 đến ngày 11/12/2017, phương thức giao nhận tiền vay: Bằng tiền mặt, thời điểm giao nhận tiền vay: Việc giao nhận số tiền vay nêu trên do hai bên tự thực hiện một đợt vào ngày 02/12/2017 và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sau khi vay ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H đã thực hiện việc trả lãi cho bà Hồ Thị B theo như thỏa thuận cho đến ngày 24/01/2018 thì ông H, bà H không tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho bà Hồ Thị B theo như các bên đã thỏa thuận. Đến ngày 20/11/2018 thì ông Hoàng Trọng H, bà Trần Thị Yên H với bà Hồ Thị B lập văn bản thỏa thuận có nội dung: Vợ chồng ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H thỏa thuận trả tiền lãi cho bà Hồ Thị B trên số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng, tiền lãi được tính từ ngày 25/01/2018 đến ngày 25/11/2018 là 10 tháng: $10 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày/tháng} = 300 \text{ ngày} \times 1.300.000 \text{ đồng} = 390.000.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm chín mươi triệu đồng). Số tiền trên ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H sẽ trả đủ sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất Nông nghiệp sang đất ở lâu dài của thửa đất tại địa chỉ số 568A đường Đường B, phường P, thành phố H. Ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H sẽ trả số tiền này cho bà Hồ Thị B sau khi vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh P1, huyện P, tỉnh Thừa Thiên H. Ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H cam kết nếu trong vòng 04 tháng, nếu không vay được tiền để trả nợ cho bà Hồ Thị B 1.300.000.000 đồng, thì ông H, bà H sẽ cắt từ thửa đất 568A đường Đường B, phường P, thành phố H cho bà Hồ Thị B một thửa có chiều ngang 10m x chiều dài 20m = 200m^2 để trừ vào khoản nợ 1.300.000.000 đồng (Trong thời gian vợ chồng ông H, bà H chưa trả được nợ thì ông H, bà H vẫn trả lãi cho bà Hồ Thị B kể từ ngày 26/11/2018). Nhưng cho đến nay ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho bà Hồ Thị B theo như thỏa thuận.

Căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 21/11/2018 bà Hồ Thị B cho ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H mượn số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày sẽ hoàn trả cho bà B, không thỏa thuận lãi suất, khi mượn ông H, bà H có gửi cho bà B một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 06/9 kiệt 01 đường Đ, phường T, thành phố H để làm tin, khi nào trả đủ số tiền trên, thì bà B trả lại cho vợ chồng ông H, bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến ngày 11/01/2019 bà Trần Thị Yên H yêu cầu bà B cho bà H nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đường Đ để làm giấy tờ, thủ tục sang tên và gửi lại cho bà Hồ Thị B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị Thanh T hẹn trong vòng 05 ngày đến ngày 16/01/2019 thì bà H sẽ trả cho bà B số tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận là 120.000.000 đồng, bà H sẽ nhận lại giấy chứng nhận của bà Trương Thị Thanh T.

Theo hợp đồng vay tiền đề ngày 02/12/2017 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên H; giấy thỏa thuận và hẹn nợ ngày 20/11/2018 thì ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vay của bà Hồ Thị B số tiền 1.300.000.000 đồng

và Giấy mượn tiền đề ngày 21/11/2018 ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vay thêm của bà H ồ Thị B số tiền 110.000.000 đồng, nhưng cho đến nay ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H vẫn chưa trả nợ gốc cho bà H ồ Thị B. Nên cần buộc ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải trả cho bà H ồ Thị B số tiền nợ gốc là 1.410.000.000 đồng.

- Xét về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà B chỉ yêu cầu bị đơn ông Hoàng Trọng H, bà Trần Thị Yên H phải trả lãi trên số tiền nợ gốc đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau:

+ Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 20/11/2018: Tính từ ngày 25/01/2018 đến 25/11/2018 là: 1.300.000.000 đồng x 20%/năm : 365 ngày x 304 ngày = 216.547.945 đồng

+ Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng được tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 1.300.000.000 đồng x 10%/năm : 365 ngày x 1670 ngày = 594.794.520 đồng.

+ Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 110.000.000 đồng x 10%/năm : 365 ngày x 1658 ngày = 49.967.123 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi: 216.547.945 đồng + 594.794.520 đồng + 49.967.000 đồng = 861.309.588 đồng, làm tròn số: 861.309.000 đồng

Xét yêu cầu trả lãi trên số nợ gốc của bà H ồ Thị B yêu cầu ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải trả số tiền lãi nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 146, điểm a khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cần chấp nhận. Buộc ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải trả cho bà H ồ Thị B số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 2.271.309.000 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi một triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng). Trong đó nợ gốc 1.410.000.000 đồng, nợ lãi 861.309.000 đồng .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Nếu ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho bà H ồ Thị B, thì bà H ồ Thị B phải trả lại cho ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BE 288844 do UBND tỉnh Thừa Thiên H cấp cho Công ty cổ phần xây dựng Việt Nam vào ngày 24/4/2012 cập nhật thay đổi biến động chủ sử dụng đất tiếp theo đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị Thanh T, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Thừa Thiên H xác nhận vào ngày 10/11/2017.

[3] Về án phí:

- Buộc ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải chịu: 2.271.309.000 = [72.000.000 đồng + (271.309.000 x 2% = 5.426.180 đồng)] = 77.426.180 đồng, làm tròn số: 77.426.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà H ồ Thị B không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà H ồ Thị B đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 146, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H ồ Thị B, buộc ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải trả cho bà H ồ Thị B số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023 là: 2.271.309.000 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi một triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Nếu ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho bà H ồ Thị B, thì bà H ồ Thị B phải trả lại cho ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BE 288844 do UBND tỉnh Thừa Thiên H cấp cho Công ty cổ phần xây dựng V vào ngày 24/4/2012 cập nhật thay đổi biến động chủ sử dụng đất tiếp theo đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị Thanh T, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Thừa Thiên H xác nhận vào ngày 10/11/2017.

2. Về án phí:

+ Buộc ông Hoàng Trọng H và bà Trần Thị Yên H phải chịu 77.426.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho bà H ồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 35.962.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) mà bà H ồ Thị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013 008225, ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu bản án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn

